

Bản án số: 185/2020/DS-ST

Ngày: 10/7/2020

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh N; địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ: Đường H, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Do quen biết nhau từ tháng 4 năm 2018 tại hội chợ ẩm thực tổ chức tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 26/8/2018 bà A đã viết giấy mượn tôi số tiền 21.200.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*); cam kết ngày 26 hàng tháng bà A sẽ chuyển vào tài khoản của tôi tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Phòng giao dịch Ngô Tất Tố, quận Bình Thạnh; số tiền chuyển khoản là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*); bắt đầu từ ngày 26/9/2018. Đến nay, tôi vẫn chưa

nhận được số tiền nào như đã thỏa thuận nên khởi kiện yêu cầu bà A phải trả lại cho tôi số tiền nêu trên và tiền lãi chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu tính từ ngày 27/9/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Ngày 05/6/2018, tôi đã đưa cho bà A số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) để đăng ký, tham gia bán hàng hội chợ được tổ chức vào đầu tháng 8 năm 2018 tại Công viên Lê Văn Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và bà A đã mượn riêng của tôi 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng). Sau đó, bà A và tôi đã thỏa thuận về việc không tham gia bán hàng hội chợ vào đầu tháng 8 năm 2018 tại Công viên Lê Văn Tám nữa và bà A cam kết trả lại tôi số tiền này. Ngày 26/8/2018, bà A đã viết giấy thỏa thuận xác nhận mượn của tôi 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) và cam kết trả dần hàng tháng như trên.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền còn nợ là 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng), rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 27/9/2018 do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết; yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi do chậm thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét giấy thỏa thuận ngày 26/8/2018, bà A viết giấy cam kết đã mượn của bà N số tiền 21.200.000đ (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng), và hàng tháng sẽ trả cho bà N số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); thực chất đây là giấy xác nhận nợ chứ không phải giấy vay tài sản. Do bà A không thực hiện đúng cam kết trả tiền hàng tháng nên bà N khởi kiện yêu cầu bà A trả lại toàn bộ số tiền trên. Quan hệ tranh chấp này giữa các đương sự là tranh chấp đòi tài sản.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về nơi cư trú của đương sự:

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn tại số Đường H, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng giấy thỏa thuận cam kết ghi ngày 26/8/2018 của bị đơn.

Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, có kết quả như sau:

Công an Phường B1, Quận B cung cấp thông tin: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường N1, Phường B1, Quận B; đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2002 đến nay.

Công an Phường S, Quận B cung cấp thông tin: Bị đơn không có cư trú tại địa Đường H, Phường S, Quận B.

Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nơi cư trú của cá nhân:

“3. Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới.”

Bà A đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo; do đó có cơ sở xác định địa chỉ Đường H, Phường S, Quận B là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn; Tòa án nhân dân đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ này là phù hợp với quy định tại các điều 40; 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa hôm nay, việc thay đổi, tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 26/8/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 21.200.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*).

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy thỏa thuận ghi ngày 26/8/2018, bà A còn nợ của bà N số tiền 21.200.000đ (*Hai Mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*) và cam kết sẽ trả cho bà N mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) bắt đầu từ ngày 26/9/2018 nhưng cho đến nay bà N không trả được khoản tiền nợ nào.

Do đó, căn cứ vào các Điều 105, Điều 274, Điều 275, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà A đã vi phạm nghĩa vụ dân sự và phải có trách nhiệm thực hiện thanh toán số tiền còn thiếu cho bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền còn thiếu là 21.200.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 27/9/2018 cho đến ngày xét xử, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 105; 274; 275 và 351 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền còn nợ 21.200.000đ (*Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*). Thời hạn và phương thức thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 27/9/2018 cho đến ngày xét xử.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 1.060.000đ (*Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí 530.000đ (Năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0037449 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý